

BỘ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
ĐỀ SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,5đ)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Số gồm 3 chục, 2 trăm, 5 đơn vị là:

- A. 325 B. 235 C. 352 D. 325

2. Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 789 B. 999 C. 987 D. 978

3. Kết quả của phép tính $4 \times 7 + 145$ là:

- A. 28 B. 156 C. 163 D. 173

4. Số hình tam giác có trong hình bên là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7



5. Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là: 28cm, 12cm, 20mm.

- A. 50cm B. 60cm C. 42mm D. 42cm

6. Đồng hồ chỉ mấy giờ nếu kim ngắn ở giữa số 3 và 4, kim dài chỉ số 6:

- A. 3 giờ 15 phút B. 4 giờ rưỡi C. 15 giờ 30 phút D. 15 giờ

7. $\frac{1}{3}$ số ngôi sao trong hình vẽ bên là:

- A. 4 ngôi sao B. 5 ngôi sao
C. 6 ngôi sao D. 7 ngôi sao



PHẦN II: TỰ LUẬN (6,5đ)

Bài 1. Đặt tính rồi tính: (2điểm)

$$362 + 235$$

$$53 + 436$$

$$623 - 202$$

$$61 - 45$$

Bài 2. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: (1điểm)

$$1\text{km} \dots 999\text{m}$$

$$13\text{mm} \dots 15\text{mm} - 1\text{cm}$$

Bài 3. Tìm y (1điểm)

$$4 \times y = 24$$

$$y : 3 = 54 - 46$$

.....

.....

.....

Bài 4. Có 40 quả táo bày vào các đĩa, mỗi đĩa 5 quả. Hỏi có bao nhiêu đĩa táo?
(1,5điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 5. Tổng của số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau và số tròn trăm lớn nhất có 3 chữ số là bao nhiêu? (1điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 2

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (6 đ)

Câu 1(4 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

1. (0,5 đ) Số 845 đọc là:

A. Tám trăm bốn mươi năm	B. Tám trăm bốn mươi lăm
C. Tám bốn lăm	D. Tám trăm bốn năm

2. (0,5 đ) Số gồm 6 trăm, 9 đơn vị viết là:

A. 6009	B. 69	C. 690	D. 609
---------	-------	--------	--------

3. (0,5 đ) An đá bóng từ 17 giờ đến 6 giờ chiều. Hỏi An đá bóng trong mấy giờ?

A. 11 giờ	B. 2 giờ	C. 1 giờ	D. 23 giờ
-----------	----------	----------	-----------

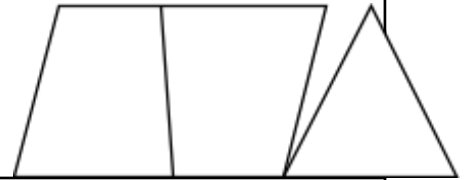
4. (0,5 đ) Một đàn heo có 16 cái chân. Hỏi đàn heo đó có bao nhiêu con?

Đáp số của bài toán là:

A. 4 con	B. 20 con	C. 12 con	D. 8 con
----------	-----------	-----------	----------

5. (1 đ) Những phép tính nào sai?

A. $3 : 3 + 0 = 0$	B. $0 \times 4 : 4 = 1$
C. $3 \times 3 = 9$	D. $20 : 5 = 4 \times 1$



6. (0,5 đ) Số hình tứ giác trong hình vẽ dưới là:

- A. 3 hình B. 4 hình
C. 5 hình D. 6 hình

7. (0,5 đ) Tổ Một xếp được 321 chiếc thuyền giấy. Tổ Hai xếp được ít hơn Tổ Một 21 chiếc thuyền giấy. Hỏi Tổ Hai xếp được bao nhiêu chiếc thuyền giấy?

- A. 341 chiếc B. 340 chiếc C. 302 chiếc D. 300 chiếc

Câu 2. (1 đ) Điền số vào chỗ chấm cho thích hợp

1km = m

1m ...dm = 18dm

24dm : 3 =dm

Câu 3. (1 đ)

a. Viết số vào chỗ chấm cho thích hợp: 116 ; 216 ; ; ; 516.

b. Viết hai số lớn hơn 499 mà mỗi số có ba chữ số giống nhau.

.....

...

PHẦN 2. TỰ LUẬN (4 đ)

Câu 1. Đặt tính rồi tính (2 đ)

305 + 289	502 – 147	56 + 514	733 – 110
.....			
.....			
.....			

Câu 2. Giải toán (2 đ)

Một cửa hàng trong một tuần bán được 645m vải hoa. Số mét vải hoa đã bán nhiều hơn vải trắng là 243m. Hỏi cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu mét vải trắng?

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 3

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (0,5đ) Số 453 đọc là:

A. Bốn năm ba	B. Bốn trăm năm mươi ba
C. Bốn lăm ba	D. Bốn trăm lăm mươi ba

Câu 2. (1đ) Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm:

a. $4 \times 3 + 20$ $5 \times 10 - 18$

b. $40 : 4 + 13$ $2 \times 8 - 9$

Câu 3. (0,5đ) Có 50kg khoai tây chia đều vào 5 bao. Hỏi mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam khoai tây?

A. 45kg	B. 55kg	C. 10kg	D. 25kg
---------	---------	---------	---------

Câu 4. (1đ) Mẹ đi làm ca chiều bắt đầu từ 2 giờ chiều đến 22 giờ. Hỏi mẹ đã làm trong mấy giờ?

A. 8 giờ	B. 24 giờ	C. 20 giờ	D. 12 giờ
----------	-----------	-----------	-----------

Câu 5. (1đ) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

a. 211; 212; 213;;; 216;; 218; 219;

b. 510; 515;; 525; 530;;

PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1. Đặt tính rồi tính (2đ)

84 + 19	62 - 25	536 + 243	879 - 356
.....			
.....			
.....			

Câu 2. Tìm y (1đ)

a. $y : 4 = 8$

b. $y \times 4 = 12 + 8$

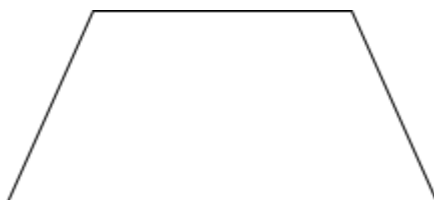
.....

Câu 3. Giải toán: (2đ) Một cửa hàng bán xăng dầu trong buổi sáng bán được 865 lít dầu và 724 lít xăng. Hỏi số dầu cửa hàng đã bán nhiều hơn số xăng bao nhiêu lít?

Bài giải

.....

Câu 4. (1đ) Kẻ thêm một đoạn thẳng vào hình sau để được hai hình tứ giác và một hình tam giác.



ĐỀ SỐ 4

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (0,5đ) *Giá trị của chữ số 8 trong số 185 là:*

A. 8	B. 80	C. 800	D. 18
------	-------	--------	-------

Câu 2. (1đ) *Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm:*

a. $8\text{dm} \times 3 \dots\dots 22\text{cm}$

b. $80\text{cm} : 2 \dots\dots 14\text{dm} : 4$

Câu 3. (0,5đ) *Mỗi chuồng có 4 con gà. Hỏi 5 chuồng như thế có bao nhiêu con gà?*

A. 20 con gà	B. 9 con gà	C. 16 con gà	D. 18 con gà
--------------	-------------	--------------	--------------

Câu 4. (1đ) *Số nhỏ nhất có ba chữ số mà chữ số hàng chục bằng 6 là:*

A. 100	B. 666	C. 160	D. 660
--------	--------	--------	--------

Câu 5. (1đ) *Hình bên có:*

A. 2 hình tam giác và 2 hình tứ giác

B. 2 hình tam giác và 3 hình tứ giác

C. 2 hình tam giác và 4 hình tứ giác



PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1. Đặt tính rồi tính (2đ)

$26 + 54$	$74 - 46$	$205 + 118$	$567 - 376$
.....			
.....			
.....			

Câu 2. Tìm y (1đ)

a. $y \times 4 = 12$

b. $y : 4 = 12 - 8$

.....

Câu 3. Giải toán: (2,5đ) Trong vườn nhà chú Tư có 230 cây cam, số cây cam ít hơn số cây quýt 128 cây. **Hỏi:**

a. Trong vườn có bao nhiêu cây quýt?

b. Trong vườn có tất cả bao nhiêu cây cam và quýt?

Bài giải

.....

Câu 4. (0,5đ) *Hình bên có bao nhiêu đoạn thẳng?*

- Có đoạn thẳng



ĐỀ SỐ 5

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. (0,5đ) Số gồm 9 chục, 4 trăm, 2 đơn vị là:

- A. 942 B. 492 C. 429 D. 294

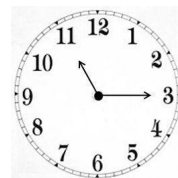
2. (1đ) Giá trị của chữ số hàng chục của số 253 lớn hơn giá trị của chữ số hàng đơn vị của số đó bao nhiêu đơn vị?

- A. 2 B. 50 C. 47 D. 53

3. (0,5đ) Đồng hồ bên chỉ:

- A. 11 giờ 15 phút B. 11 giờ 3 phút

- C. 12 giờ 15 phút D. 15 giờ



4. (1đ) Hình tứ giác ABCD có $AB = BC = 2dm$ và $AD = CD = 35cm$. Vậy chu vi của hình tứ giác ABCD là bao nhiêu?

- A. 37cm B. 74cm C. 55cm D. 110cm

5. (1đ) $\frac{1}{3}$ số ngôi sao trong hình vẽ bên là:

- A. 4 ngôi sao B. 5 ngôi sao
C. 6 ngôi sao D. 7 ngôi sao



PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Bài 1. Tính (2điểm)

a. $5 \times 9 + 453$

b. $20 : 5 \times 8$

Bài 2. Tìm y (1đ)

$4 \times y = 28$

$y : 5 = 12 : 4$

Bài 3. (2đ) Giải toán: Năm nay bố 36 tuổi, ông nhiều hơn bố 27 tuổi. Hỏi ông năm nay bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Bài 4. (1đ) Tìm một số biết nếu ta chia số đó cho 2, rồi cộng với 19 thì được số mới là 24.

Bài giải

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Câu 1. (1đ) Khoanh vào chữ cái có kết quả đúng:

a. $0 : 4 = ?$

A. 0

B. 1

C. 4

D. 40

b. $5 \times 0 = ?$

A. 5

B. 0

C. 1

D. 50

Câu 2: (0,5đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S

Hôm nay là thứ ba, ngày 16 tháng 4. Thứ ba tuần sau vào ngày 23 tháng 4.

Từ 7 giờ sáng đến 2 giờ chiều cùng ngày là 6 giờ.

Câu 3: (1đ) Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

5kg + 15kg

45 - 17

7cm+33cm

54 -29

28

60kg

25

40cm

Câu 4. (1đ) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $5 \times 3 = \dots\dots\dots$

$14 : 2 = \dots\dots\dots$

b. Một hình tứ giác có độ dài các cạnh là 12 cm, 13cm, 14cm, 15 cm. Chu vi hình tứ giác là:.....

Câu 5. (0,5đ) $30 + 50 \dots 20 + 60$. Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. <

B. >

C. =

D. không có dấu nào

PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1. (2đ) Đặt tính rồi tính

$465 + 213$

$857 - 432$

$456 - 15$

$234 + 235$

.....			
-------------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

Câu 2. (1đ) Tìm x

$x - 24 = 47 - 14$

$67 - x = 15 + 6$

.....

.....

.....

Câu 3. (2đ) Một hình tứ giác có độ dài các cạnh là 1dm 2cm, 13cm, 14cm, 15 cm. Tính chu vi hình tứ giác đó.

Bài giải

.....

.....

.....

Câu 4: Số kẹo của Lan là số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau. Lan cho Hoa số kẹo là số chẵn nhỏ nhất có 2 chữ số. Hỏi Lan còn bao nhiêu cái kẹo?

Bài giải

.....

.....

.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 7

Câu 1: (1 điểm): Khoanh vào trước kết quả đúng nhất:

Số liền trước số 546 là:

A. 547	B. 400	C. 545	D. 500
--------	--------	--------	--------

Giá trị của số 4 trong số 546 là:

A. 4	B. 4 chục	C. 546	D. 40
------	-----------	--------	-------

Câu 2: (1 điểm) Viết số và chữ thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
107	Một trăm linh bảy
439	
	Tám trăm sáu mươi hai

Câu 3: (1 điểm) Khoanh vào trước kết quả đúng nhất:

Đồng hồ chỉ:

- A. 3 giờ
- B. 7 giờ 15 phút
- C. 7 giờ 30 phút
- D. 19 giờ 15 phút tối



b) Hôm nay ngày 8 tháng 11 là thứ hai, thứ hai tuần sau là ngày:

A. 13	B. 15	C. 20	D. 21
-------	-------	-------	-------

Câu 4: (1 điểm)

Điền dấu >;<; =? 635 639 827 800 + 27	b) Đặt tính rồi tính: $25 + 47$ $786 - 364$
--	--

Câu 5: (1 điểm): Tính

$4 \times 6 + 5 = \dots\dots\dots$

b) $8 \times 5 : 2$

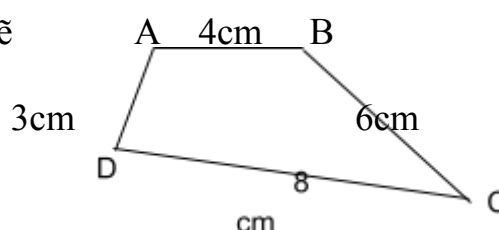
$= \dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

$\dots\dots\dots$

Câu 6: (1 điểm) Cho hình tứ giác như hình vẽ

Tính chu vi của hình tứ giác ABCD.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 7: (1 điểm): Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào ô trống:

Có 80kg ngô chia đều vào 4 bao. Mỗi bao có:

A. 20 kg ngô ☐

B. 4 kg ngô ☐

Câu 8: (1 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống:



Câu 9: (1 điểm) Sợi dây đồng dài 1m. Sợi dây thép ngắn hơn sợi dây đồng 6cm. Hỏi sợi dây thép dài bao nhiêu?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10: (1 điểm) Tìm x, biết:

$$X + X + X + X = 24$$

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 8

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (1đ) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để $1m\ 3cm = \dots\dots cm$ là:

A. 10

B. 103

C. 13

D. 30

Câu 2. (1đ) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$3kg = \dots\dots g$$

Câu 3. (1đ) Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $5 \times 6 : 3 = \dots\dots$

A. 10

B. 30

C. 2

D. 3

Câu 4. (1đ) Hình tam giác có độ dài các cạnh là: $AB = 300\text{ cm}$, $BC = 200\text{ cm}$, $AC = 400\text{ cm}$. Chu vi của hình tam giác là:

A. 900 cm

B. 600cm

C. 700cm

D. 800cm

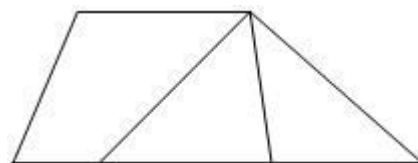
Câu 5. (1đ) Hình bên có mấy hình tam giác?

A. 2

C. 4

B. 3

D. 5



PHẦN II: TỰ LUẬN (5đ)

Câu 1. Đặt tính rồi tính (1đ)

a) $683 + 204$

b) $548 - 312$

.....
.....
.....

Câu 2. Tìm x (2đ):

a) $5 \times x = 25$

b) $x : 4 = 4$

.....
.....
.....

Câu 3. (1đ) Lớp 2A có 32 học sinh được chia đều thành 4 hàng để tập thể dục. Hỏi mỗi hàng có mấy học sinh?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Câu 4. (1đ) Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số với số chẵn lớn nhất có một chữ số.

Bài giải

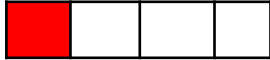
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 9

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,5đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1. (0,5đ) Hình nào đã tô màu số ô vuông:



...../

Câu 2. (0,5đ) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: $1\text{ m} = \dots\text{ mm}$

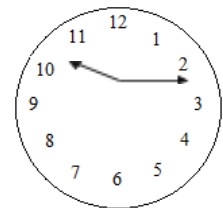
- A. 10 B. 100 C. 1 D. 1000

Câu 3. (0,5đ) Giá trị của chữ số 8 trong số 584 là:

- A. 8 đơn vị B. 8 trăm C. 8 chục D. 8 nghìn

Câu 4. (1đ) Đồng hồ bên chỉ mấy giờ :

- A. 9 giờ 15 phút B. 10 giờ 30 phút
C. 10 giờ 3 phút D. 9 giờ 3 phút



Câu 5. (1đ) Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ trống:

2 m 20 cm

$360 - 10$ 350

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1. (2đ) Đặt tính rồi tính:

a) $541 + 243$

b) $957 - 431$

c) $42 + 29$

d) $100 - 43$

.....			
.....			
.....			

Câu 2: (1đ)

a, Tìm x :

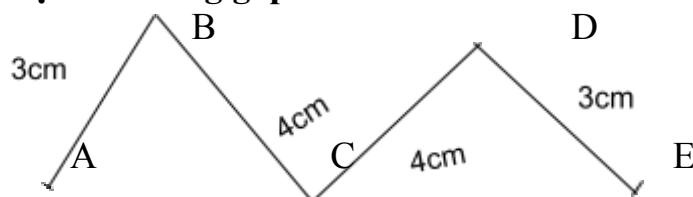
$$81 - x = 19$$

b, Tính

$$5 \times 8 - 20$$

.....
.....
.....

Câu 3. (1,5đ) Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE sau :



Bài giải

.....
.....
.....

.....

Câu 4. (2đ) Một thanh kẽm được bẻ uốn thành khung hình tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 2dm. Hỏi thanh kẽm phải dài bao nhiêu đề - xi – mét để uốn đủ thành khung hình tam giác?

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 10

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4 điểm):

Câu 1 (2 điểm): Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất.

a) Cho $345 \dots 300 + 54$. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. >	B. <	C. =	D. +
------	------	------	------

b) Cho $213 + y = 567$. Giá trị của y là:

A. 354	B. 880	C. 345	D. 754
--------	--------	--------	--------

c) Kết quả phép tính $352 + 443$ là:

A. 785	B. 795	C. 885
--------	--------	--------

d) Hình vẽ bên có hình tam giác.

A. 5 B. 6 C. 4. D. 7



Câu 2.Đúng điền Đ, sai điền S vào cuối mỗi dòng sau (1 điểm) :

Trong phép tính $18 : 3 = 6$, thì :

- | | |
|--|---|
| a) Số 18 được gọi là số chia. ☐ | b) Số 3 gọi là số bị chia. ☐ |
| c) “ $18 : 3$ ” được gọi là thương. ☐ | d) Số 6 gọi là thương ☐ |

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm):

a) Số 209 gồm ... trăm ... chục ... đơn vị.

b) Số gồm 6 trăm 5 chục 7 đơn vị viết số là

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm) :

Câu 1.Đặt tính rồi tính (2 điểm):

$$48 + 27$$

$$95 - 68$$

$$516 + 238$$

$$802 - 539$$

.....

Câu 2. a) Tính (1 điểm) :

$$5 \times 1 + 38 =$$

$$0 : 4 \times 24 =$$

b) Tìm y (1 điểm):

$$67 - y = 19$$

$$y \times 5 = 0$$

Câu 3. (1 điểm) Có một số gạo, nếu đựng vào mỗi túi 4 kg thì được 9 túi. Tính số lượng gạo đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 4. (1 điểm) Tìm tổng của số tròn trăm lớn nhất có 3 chữ số và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ II

ĐỀ SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,5đ)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	C	D	C	D	C	C

PHẦN II: TỰ LUẬN (6,5đ)

Bài 2. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

$$1\text{km} > 999\text{m}$$

$$13\text{mm} > 15\text{mm} - 1\text{cm}$$

Bài 3. Tìm y (1 điểm)

$$y = 6$$

$$y = 24$$

Bài 4. Có 40 quả táo bày vào các đĩa, mỗi đĩa 5 quả. Hỏi có bao nhiêu đĩa táo?*(1,5điểm)*

Có số đĩa táo là: $40 : 5 = 8$ (cái đĩa)

Đáp số: 8 cái đĩa

Bài 5. Tổng của số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau và số tròn trăm lớn nhất có 3 chữ số là bao nhiêu?*(1điểm)*

Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là 98

Số tròn trăm lớn nhất có 3 chữ số là 900

Tổng hai số là: $98 + 900 = 998$

Đáp số: 998

ĐỀ SỐ 2

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (6 đ)

Câu 1(4 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	D	C	A	A,B	C	D

Câu 2. (1 đ) Điền số vào chỗ chấm cho thích hợp

$$1\text{km} = 1000 \text{ m}$$

$$1\text{m } 8\text{dm} = 18\text{dm}$$

$$24\text{dm} : 3 = 8\text{dm}$$

Câu 3. (1 đ)

a. Viết số vào chỗ chấm cho thích hợp: 116 ; 216 ; 316 ; 416 ; 516.

b. Viết hai số lớn hơn 499 mà mỗi số có ba chữ số giống nhau: 555; 666

PHẦN 2. TỰ LUẬN(4 đ)

Câu 2. Giải toán(2 đ)

Một cửa hàng trong một tuần bán được 645m vải hoa. Số mét vải hoa đã bán nhiều hơn vải trắng là 243m. Hỏi cửa hàng đó đã bán được bao nhiêu mét vải trắng?

$$\text{Cửa hàng đã bán được số vải trắng là: } 645 - 243 = 401 \text{ (m)}$$

Đáp số: 401 m vải

ĐỀ SỐ 3

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	=;>	C	A

Câu 5. (1đ) *Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:*

a. 211; 212; 213; 214; 215; 216; 217; 218; 219; 220

b. 510; 515; 520; 525; 530; 535; 540;

PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Câu 2. Tìm y (1đ)

a. $y = 32$

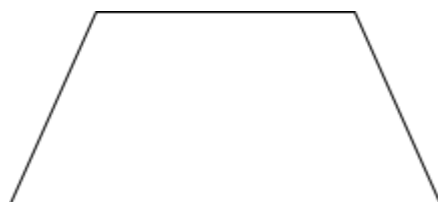
b. $y = 5$

Câu 3. Giải toán:

Số dầu của hàng bán nhiều hơn số xăng là: $865 - 724 = 141$ (lít)

Đáp số: 141 lít

Câu 4. (1đ)



ĐỀ SỐ 4

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	$> : >$	A	C	C

PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Câu 2. Tìm y (1đ)

a. $y = 3$

b. $y = 16$

Câu 3.

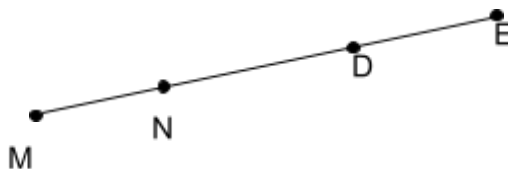
a. Trong vườn có số cây quýt là: $230 + 128 = 358$ (cây)

b. Trong vườn có số cây cam và quýt là: $230 + 358 = 588$ (cây)

Đáp số: 588 cây

Câu 4. (0,5đ) Hình bên có bao nhiêu đoạn thẳng?

- Có 6 đoạn thẳng



ĐỀ SỐ 5

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	A	D	B

PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Bài 1. Tính(2điểm)

a. $5 \times 9 + 453 = 45 + 453$

$$= 498$$

b. $20 : 5 \times 8 = 4 \times 8$

$$= 32$$

Bài 2. Tìm y (1đ)

$$y = 7$$

$$y = 15$$

Bài 3.(2đ)

Ông năm nay có số tuổi là: $36 + 27 = 63$ (tuổi)

Đáp số: 63 tuổi

Bài 4.(1đ) Tìm một số biết nếu ta chia số đó cho 2, rồi cộng với 19 thì được số mới là 24.

$$\text{Số đó là: } (24 - 19) \times 2 = 10$$

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4đ)

Câu 1. (1đ) Khoanh vào chữ cái có kết quả đúng:

a. $0 : 4 = ?$

A. 0

b. $5 \times 0 = ?$

B.

Câu 2: (0,5đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S

Đ Hôm nay là thứ ba, ngày 16 tháng 4. Thứ ba tuần sau vào ngày 23 tháng 4.

S Từ 7 giờ sáng đến 2 giờ chiều cùng ngày là 6 giờ.

Câu 3: (1đ) Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

$45\text{kg} + 15\text{kg}$	$45 - 17$	$67\text{cm} + 33\text{cm}$	$54 - 29$
			
28	0kg	25	100cm

Câu 4. (1đ) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a. $5 \times 3 = 15$

$14 : 2 = 7$

b. Một hình tứ giác có độ dài các cạnh là 12 cm, 13cm, 14cm, 15 cm. Chu vi hình tứ giác là: 54cm

Câu 5. (0,5đ) C

PHẦN II: TỰ LUẬN (6đ)

Câu 2. (1đ) Tìm x

$X = 57$

$X = 46$

Câu 3. (2đ) Một hình tứ giác có độ dài các cạnh là 1dm 2cm, 13cm, 14cm, 15 cm. Tính chu vi hình tứ giác đó.

Đổi $1\text{dm } 2\text{cm} = 12\text{cm}$

Chu vi hình tứ giác đó là: $12 + 13 + 14 + 15 = 54\text{cm}$

Câu 4: Số kẹo của Lan là số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau. Lan cho Hoa số kẹo là số chẵn nhỏ nhất có 2 chữ số. Hỏi Lan còn bao nhiêu cái kẹo?

Số nhỏ nhất có 2 chữ số giống nhau là 11

Số chẵn nhỏ nhất có 2 chữ số là 10

Lan còn số kẹo là: $11 - 10 = 1$ (cái kẹo)

Đáp số: 1 cái kẹo

ĐỀ SỐ 7

Câu 1: (1 điểm): Khoanh vào trước kết quả đúng nhất:

C

B,D

Câu 2: (1 điểm) Viết số và chữ thích hợp vào ô trống (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
107	Một trăm linh bảy
439	Bốn trăm ba mươi chín
862	Tám trăm sáu mươi hai

Câu 3: (1 điểm) Khoanh vào trước kết quả đúng nhất:

a) B

b) B

Câu 4: (1 điểm)

Điền dấu >;<;=? 635 < 639	
------------------------------	--

$827 = 800 + 27$	
------------------	--

Câu 5: (1 điểm): Tính

$$4 \times 6 + 5 = 24 + 5$$

$$= 29$$

$$b) 8 \times 5 : 2 = 40 : 2$$

$$= 20$$

Câu 6: (1 điểm)

Chu vi hình tứ giác ABCD là: $3 + 4 + 6 + 8 = 21$ (cm)

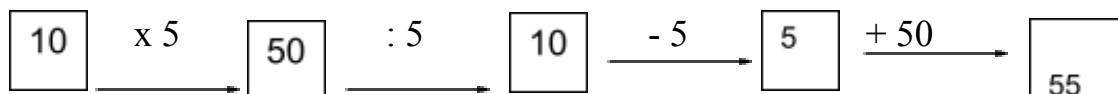
Câu 7: (1 điểm): Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

Có 80kg ngô chia đều vào 4 bao. Mỗi bao có:

A. 20 kg ngô

B. 4 kg ngô

Câu 8: (1 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống:



Câu 9: (1 điểm)

Đổi $1\text{m} = 100\text{cm}$

Sợi dây thép dài là: $100 - 6 = 94$ (cm)

Đáp số: 94cm

Câu 10: (1 điểm) Tìm x, biết:

$$X + X + X + X = 24$$

$$X \times 4 = 24$$

$$X = 24 : 4$$

$$X = 6$$

ĐỀ SỐ 8

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (1đ) B

Câu 2.(1đ)Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$3kg = 3000 g$$

Câu 3. (1đ) A

Câu 4. (1đ) A

Câu 5.(1đ) B

PHẦN II: TỰ LUẬN (5đ)

Câu 2. Tìm x (2đ):

a) $x = 5$

b) $x = 16$

Câu 3. (1đ) Lớp 2A có 32 học sinh được chia đều thành 4 hàng để tập thể dục. Hỏi mỗi hàng có mấy học sinh?

Mỗi hàng có số học sinh là: $32 : 4 = 8$ (học sinh)

Đáp số: 8 học sinh

Câu 4. (1đ) Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số với số chẵn lớn nhất có một chữ số .

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là 90

Số chẵn lớn nhất có một chữ số là 8

Hiệu 2 số đó là: $90 - 8 = 82$

ĐỀ SỐ 9

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM(3,5đ)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	D	C	A	$> ; =$

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu2: (1đ)a, Tìm x : b, Tính

$$X = 62$$

$$5 \times 8 - 20 = 40 - 20 = 20$$

Câu 3.(1,5đ)

Độ dài đường gấp khúc ABCDE là : $3 + 4 + 4 + 3 = 14$ (cm)

Đáp số: 14cm

Câu 4. (2đ) Một thanh kẽm được bẻ uốn thành khung hình tam giác có độ dài các cạnh đều bằng 2dm. Hỏi thanh kẽm phải dài bao nhiêu đề - xi – mét để uốn đủ thành khung hình tam giác?

Thanh kẽm dài là: $2 \times 3 = 6$ (dm)

Đáp số: 6dm

ĐỀ SỐ 10

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4 điểm):

Câu 1 (2 điểm): Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	A	B	B

Câu 2.Đúng điền Đ, sai điền S vào cuối mỗi dòng sau (1 điểm) :

Trong phép tính $18 : 3 = 6$, thì :

- | | |
|---------------------------------------|------------------------------|
| a) Số 18 được gọi là số chia. S | b) Số 3 gọi là số bị chia. S |
| c) “ $18 : 3$ ” được gọi là thương. Đ | d) Số 6 gọi là thương Đ |

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm):

- a) Số 209 gồm 2 trăm 0 chục 9 đơn vị.
- b) Số gồm 6 trăm 5 chục 7 đơn vị viết số là 657

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm) :

Câu 2. a) Tính (1 điểm) :

$$5 \times 1 + 38 = 5 + 38 = 43$$

$$0 : 4 \times 24 = 0 \times 24 = 0$$

b) Tìm y (1 điểm):

$$y = 48$$

$$y = 0$$

Câu 3.(1 điểm)

Số lượng gạo đó là: $4 \times 9 = 36$ (kg)

Đáp số: 36 kg

Câu 4. (1điểm) Tìm tổng của số tròn trăm lớn nhất có 3 chữ số và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau.

Số tròn trăm lớn nhất có 3 chữ số là 900

Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là 98

Tổng 2 số là: $900 + 98 = 998$

Đáp số: 998